

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quốc Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2026/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Xóm H, xã G, tỉnh Ninh Bình**; “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh **Trần Quốc V**, sinh năm 1984; địa chỉ: **Xóm H, xã G, tỉnh Ninh Bình**; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03-02-2026, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Lê Thị L** trình bày: Chị và anh **Trần Quốc V** tự nguyện tìm hiểu và được **ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình)** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23-10-2008. Sau ngày cưới

vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Vợ chồng có 02 con chung là **Trần Công V1**, sinh ngày 09-06-2009 và **Trần Hà V2**, sinh ngày 11-5-2016. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị **L** đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh **V**; chị **L** nhận nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Cháu **Trần Hà V2** có nguyện vọng ở với mẹ; Cháu **Trần Công V1** bị khuyết tật, không viết được, nói không rõ nên không thể hiện được ý kiến.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 09/4/2026, cơ sở **xã G, tỉnh Ninh Bình** cung cấp: Chị **Lê Thị L** và anh **Trần Quốc V** đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G tỉnh Ninh Bình)** vào ngày 23-10-2008 và đã có 02 con chung là **Trần Công V1**, sinh ngày 09-6-2009 (bị khuyết tật, không viết được, nói không sôi) và **Trần Hà V2**, sinh ngày 11-5-2016. Anh **V** đi làm xa, ít khi ở địa phương. Nay chị **L** có đơn ly hôn anh **V** đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị **Lê Thị L** và anh **Trần Quốc V**. Giao chị **Lê Thị L** nuôi 02 con chung là **Trần Công V1**, sinh ngày 09-06-2009 và **Trần Hà V2**, sinh ngày 11-5-2016; anh **V** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Lê Thị L** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh **Trần Quốc V** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị L** và anh **Trần Quốc V** tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình)** vào ngày 23-10-2008 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên đã xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **L** và anh **V** mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của chị **L** xin ly hôn anh **V** là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị **L** và anh **V** có 02 con chung **Trần Công V1**, sinh ngày 09-6-2009 và **Trần Hà V2**, sinh ngày 11-5-2016. Căn cứ nguyện vọng của đương sự và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung nên giao chị **L** trực tiếp nuôi 02 con chung; chấp nhận sự tự nguyện của chị **L** không yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị **L** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; chị **L**, anh **V** có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị **Lê Thị L** và anh **Trần Quốc V**

2. Về con chung: Giao chị **Lê Thị L** trực tiếp nuôi 02 con chung là **Trần Công V1**, sinh ngày 09-6-2009 và **Trần Hà V2**, sinh ngày 11-5-2016. Anh **Trần Quốc V** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Lê Thị L** phải nộp 300.000 đồng án phí. Chị **L** đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000690 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh N; chị **L** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Lê Thị L** và anh **Trần Quốc V** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 - Ninh Bình;
- Thị hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Giao Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Giao Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

